

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/05/2025

“V/v Tranh chấp ly hôn, xác định
con riêng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khởi-ông Nguyễn Lương Đăng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Triệu Đức Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, xác định con riêng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa chị Bùi Thị N trình bày:* Chị kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn G), huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 14 tháng 01 năm 2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Làng H, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chịu khó làm ăn sau đó khoảng 01 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ những vấn đề nhỏ nhất trong cuộc sống, anh T ham chơi không chịu chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng không hiểu nhau và không có tiếng nói chung. Chị sống ly thân với anh T từ năm 2022 không ai quan tâm đến

ai, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T không có con chung. Tuy nhiên, trong quá trình sống ly thân anh T, xác định không lấy chồng nên chị đã xin con của người khác để nuôi, đến ngày 24/11/2024 chị sinh cháu gái, do chị và anh T vẫn là vợ chồng nên khi đi khai sinh chị lấy tên con là Bùi Bảo H, trên giấy khai sinh của con vẫn ghi người cha là Trần Văn T, chị đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định ADN và xác định cháu Bùi Bảo H, sinh ngày 22/11/2024 là con riêng của chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh T trình bày:* Anh có đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị N năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn G), việc kết hôn tự nguyện. Anh T xác định thời gian sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm, sau đó dần dần phát sinh mâu thuẫn, lời qua tiếng lại. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống của hai người không hợp nhau, từ những chuyện rất nhỏ, do có mâu thuẫn đến tháng 11 năm 2021 chị N đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó không liên hệ gì với nhau, nay chị N có đơn xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng không có con chung. Đối với cháu Bùi Bảo H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân anh xác định không phải con chung của anh và chị N, anh không biết là con của ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Tại Quyết định Trưng cầu Giám định số 01/2025/GĐ-TCGD ngày 04/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã Trưng cầu giám định Công ty cổ phần D, Thực hiện giám định: AND đối với anh Trần Văn T, sinh ngày 24/4/1994 và cháu Bùi Bảo H, sinh ngày 22/11/2024 (theo giấy khai sinh số 50 ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) có quan hệ huyết thống Cha-con không?. Tại Phiếu kết quả phân tích AND ngày 11/4/2025 của Công ty cổ phần D kết luận: Hai người trên Không có quan hệ huyết thống: Cha-Con.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên quan điểm khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T, về con chung không có, đề nghị Tòa án xác định cháu Bùi Bảo H là con riêng, về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Bùi Thị N. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh T; Về con chung: Không có; về con riêng: xác định cháu Bùi Bảo H, sinh ngày 22/11/2024 là con riêng của chị Bùi Thị N. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị N phải chịu chi phí tố tụng và án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: nguyên đơn có đơn khởi kiện giải quyết ly hôn và xác định con riêng, bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Văn T vắng mặt tại phiên hòa giải lần 1, nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phú Lương quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa anh T có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Bùi Thị N và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn G), huyện P trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của các đương sự đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, giữa chị N và anh T không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, đồng thời các

đương sự đều xác định nhất trí Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con: Trong quá trình hôn nhân, ngày 22/11/2024 chị Bùi Thị N sinh được một con gái đặt tên là Bùi Bảo H, theo Giấy khai sinh số 50 đăng ký ngày 18/12/2024 và vào sổ 216/GKS-BS ngày 19/12/2024 của UBND thị trấn G, huyện P xác định họ, chữ đệm, tên người cha là Trần Văn T, chị N xác định là con riêng của chị, không phải là con chung giữa chị và anh T đồng thời không yêu cầu Tòa án xác định cha của cháu H. Anh T xác định không có con chung với chị N và cháu Bùi Bảo H không phải con chung của anh và chị T.

[2.2.1] Theo Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng....

2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”

Như vậy, thời điểm cháu Bùi Bảo H, sinh ngày 22/11/2024 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Bùi Thị N và anh Trần Văn T tuy nhiên người cha không thừa nhận nên phải xem xét theo quy định.

[2.2.2] Để có căn cứ xác định quan hệ huyết thống, ngày 04/4/2025 chị Bùi Thị N có đơn yêu cầu Trung tâm giám định Công ty cổ phần D. Tại Phiếu kết quả phân tích AND ngày 11/4/2025 của Công ty cổ phần D đã tiến hành phân tích các mẫu AND của 02 người: anh TRẦN VĂN T, sinh ngày 24/4/1994, quan hệ: cha giả định, loại mẫu: Máu, số CCCD 019094008210 và BÙI BẢO HÂN, sinh ngày 22/11/2024, quan hệ: con, loại mẫu: niêm mạc miệng, số định danh cá nhân: 019324007848 theo giấy khai sinh (bản sao) số 50. Kết luận: Hai người trên KHÔNG CÓ quan hệ huyết thống: CHA-CON

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mặc dù cháu Bùi Bảo H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân tuy nhiên không phải là con chung của chị N và anh T, yêu cầu xác định cháu Bùi Bảo H, sinh ngày 22/11/2024 là con riêng của chị N là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Bùi Thị N có các quyền và nghĩa vụ của mẹ đối với cháu Bùi Bảo H và được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cải chính hộ tịch theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.] Về chi phí tố tụng: Chị Bùi Thị N phải chịu toàn bộ chi phí giám định AND và đã thực hiện xong nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4.] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định của pháp luật, miễn án phí xác định con riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 88, Điều 101 và Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về con riêng: Xác định cháu Bùi Bảo H, sinh ngày 22/11/2024 số định danh cá nhân: 019324007848 theo giấy khai sinh (bản sao) số 50 đăng ký ngày 18/12/2024 tại UBND thị trấn G, huyện P không phải là con chung của chị Bùi Thị N và anh Trần Văn T.

Chị Bùi Thị N có các quyền và nghĩa vụ của mẹ đối với cháu Bùi Bảo H, sinh ngày 22/11/2024 số định danh cá nhân: 019324007848 theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Đã thực hiện xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004860 ngày 18/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND TT Giang Tiên, huyện Phú Lương;
- Lưu: HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Chu Thị Bích Hiền